



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

BÁO CÁO
NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2023-2024
VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRONG THỜI GIAN TỚI

NỘI DUNG BÁO CÁO TẠI HỘI NGHỊ

**THỰC TRẠNG
VÀ NHỮNG
NHIỆM VỤ
TRỌNG TÂM
NĂM HỌC
2023-2024**

**THỰC HIỆN
ĐỔI MỚI GIÁO
DỤC PHỔ
THÔNG THEO
NGHỊ QUYẾT
88/2014/QH13**

**NỘI DUNG
BÁO CÁO**

**KIẾN NGHỊ
ĐỀ XUẤT**



HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VIỆT NAM

Điều 6. Hệ thống giáo dục quốc dân (Luật Giáo dục 2019)

1. Hệ thống giáo dục quốc dân là hệ thống giáo dục mở, liên thông gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.

2. Cấp học, trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm:

a) **Giáo dục mầm non** gồm giáo dục nhà trẻ và giáo dục mẫu giáo;

b) **Giáo dục phổ thông** gồm giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông;

c) **Giáo dục nghề nghiệp** đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác;

d) **Giáo dục đại học** đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ.

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và Khung trình độ quốc gia Việt Nam; quy định thời gian đào tạo, tiêu chuẩn cho từng trình độ đào tạo, khối lượng học tập tối thiểu đối với trình độ của giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định ngưỡng đầu vào trình độ cao đẳng, trình độ đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe.

HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VIỆT NAM

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1981/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

ĐẾN
Giờ: ...
Ngày: 04/11/16

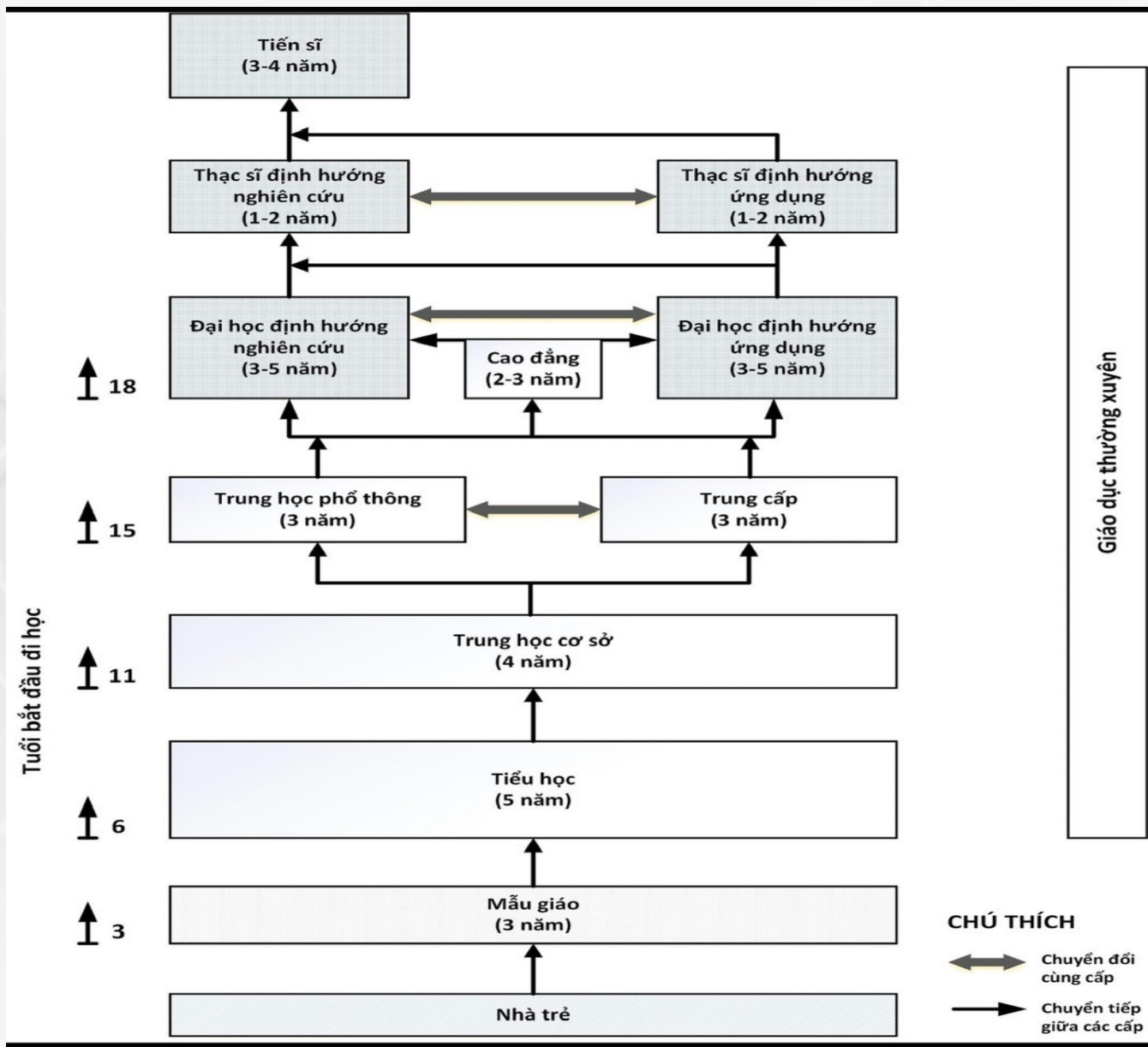
Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;
Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị quyết 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

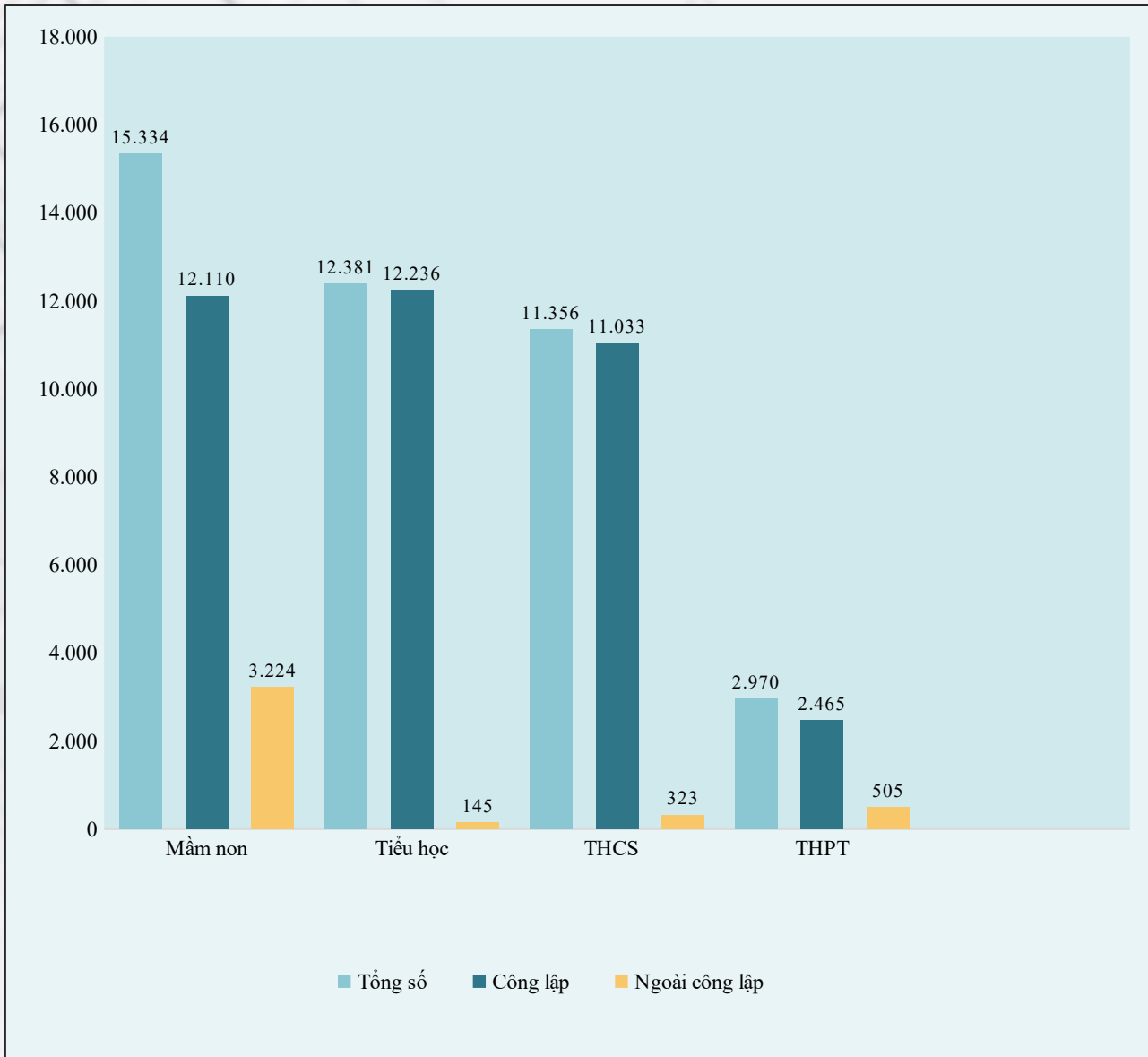
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân (kèm theo sơ đồ tại phụ lục), như sau:

1. Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.
2. Các cấp học và trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm:
 - a) Giáo dục mầm non gồm giáo dục nhà trẻ và giáo dục mẫu giáo;
 - b) Giáo dục phổ thông gồm giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông;
 - c) Giáo dục nghề nghiệp đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;
 - d) Giáo dục đại học đào tạo các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.
3. Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân là cơ sở để thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo.
4. Các quy định tại Quyết định này khác với các quy định hiện hành tại các luật, văn bản pháp luật có liên quan được thực hiện sau khi điều chỉnh các luật, văn bản pháp luật có liên quan đó.



THỰC TRẠNG VỀ QUY MÔ MẠNG LƯỚI TRƯỜNG HỌC



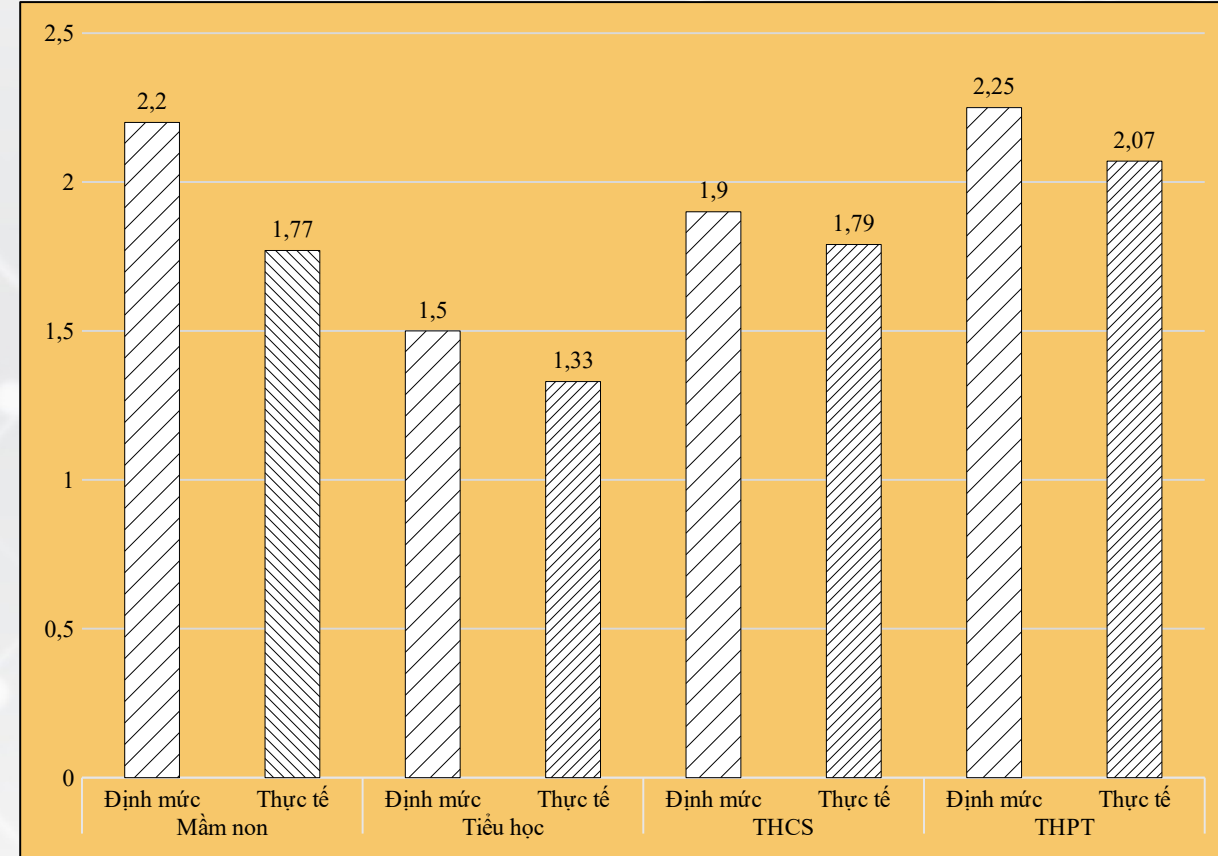
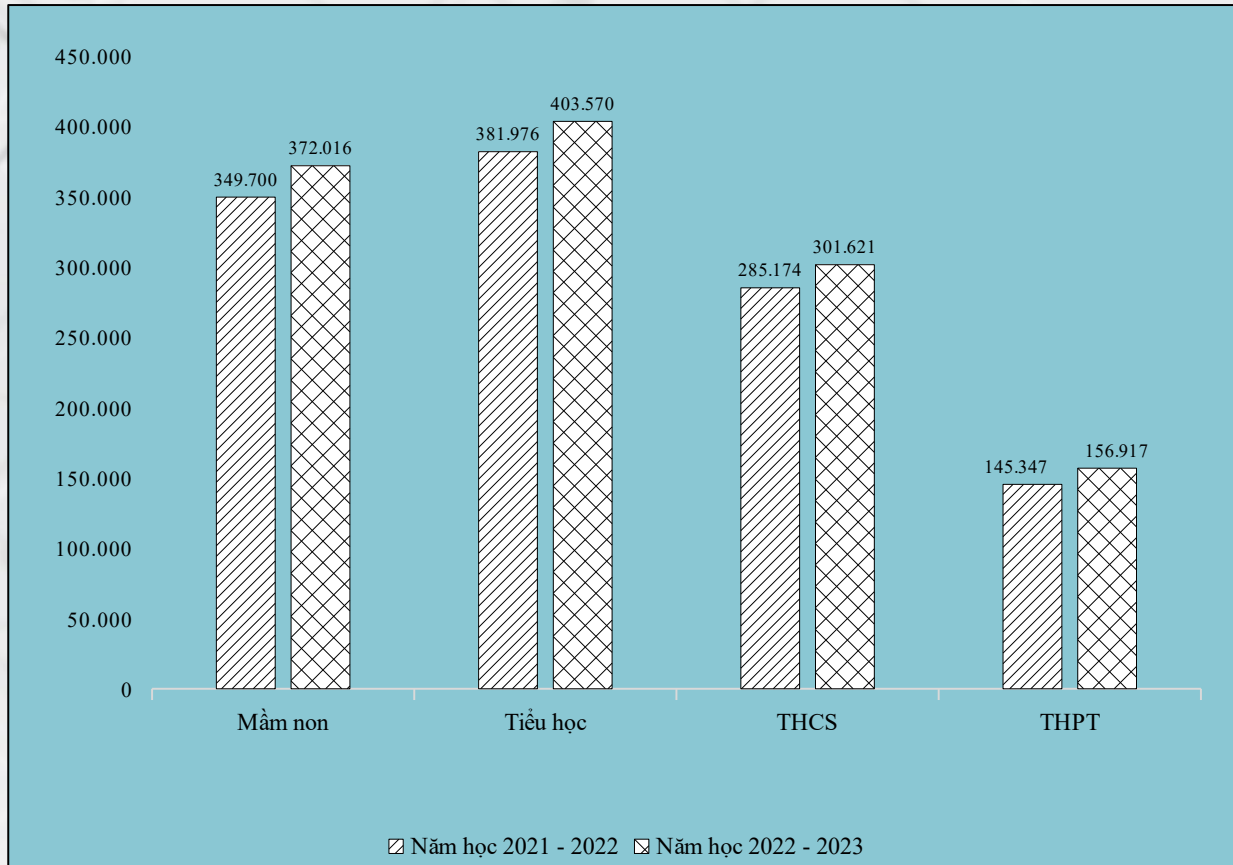
- Năm học 2022-2023 cả nước có **37.619 cơ sở giáo dục** mầm non, phổ thông **công lập**, trong đó cấp mầm non có 12.152 trường, cấp tiểu học có 12.354 trường, cấp THCS có 10.672 trường và cấp THPT có 2.441 trường. Trong đó, số trường liên cấp là 2.311 trường.

- Bình quân mỗi đơn vị cấp xã (10.599 xã) có ít nhất một trường mầm non, một trường tiểu học và 01 trường THCS, mỗi đơn vị cấp huyện (705 huyện) có ít nhất 02 trường THPT. Tuy nhiên Mầm Non và Tiểu học có những nơi phải bố trí nhiều điểm trường.

- Trong đó, số trường liên cấp là 2.311 trường; 126 trường thực hiện chương trình quốc tế, tiên tiến.

THỰC TRẠNG VỀ GIÁO VIÊN

Kết thúc năm học 2022-2023, tổng số giáo viên mầm non, phổ thông là **1.234.124** người (**tăng 71.927** người so với năm học 2021- 2022, trong đó công lập **chiếm 88,57%**, ngoài công lập **chiếm 11,43%**).



Số lượng giáo viên mầm non, phổ thông năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023

Tỷ lệ giáo viên/lớp năm học 2022 - 2023

KẾT QUẢ NỔI BẬT NĂM HỌC 2022-2023

1. Ngành Giáo dục tiếp tục hoàn thiện thể chế, tạo hành lang pháp lý để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT theo yêu cầu của Nghị quyết 29 của Trung ương; tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các nghị định, nghị quyết, đề án, kế hoạch về phát triển GDĐT. Các Sở GDĐT đã tham mưu với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, thành phố ban hành các chính sách phát triển GDĐT tại địa phương; kịp thời triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của Bộ GDĐT trong lĩnh vực giáo dục.

2. Bộ GDĐT đã chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 29 về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT nhằm đánh giá toàn diện kết quả đạt được sau 10 năm triển khai thực hiện; chỉ ra các khó khăn, tồn tại, hạn chế cần khắc phục và đề xuất các định hướng phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tiếp theo phù hợp với bối cảnh quốc tế và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, từ đó tham mưu với Bộ Chính trị ban hành văn bản chỉ đạo nhằm tạo sự đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Đến nay, về cơ bản các tỉnh, thành phố đã hoàn thành tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 29 trên địa bàn.

3. Triển khai các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, **an ninh của 6 vùng kinh tế - xã hội** đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ GDĐT đã ban hành 06 Kế hoạch hành động và tổ chức thành công 06 Hội nghị về GDĐT tại 06 vùng để xác định các nhiệm vụ, giải pháp phát triển GDĐT của 6 vùng của Nghị quyết của Bộ Chính trị.

KẾT QUẢ NỔI BẬT NĂM HỌC 2022-2023

4. Mạng lưới, quy mô trường, lớp tiếp tục được quan tâm đầu tư. Các địa phương thực hiện rà soát, dồn dịch điểm trường lẻ, sát nhập trường có quy mô nhỏ để tập trung đầu tư, bảo đảm chất lượng giáo dục; chú trọng duy trì, mở rộng số lượng lớp học và bổ sung phòng học kiên cố, bán kiên cố và giảm số phòng học tạm, mượn tạo thuận lợi cho người dân, đảm bảo quyền lợi học tập của học sinh và phù hợp với quy hoạch, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quan tâm đầu tư mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ yêu cầu triển khai Chương trình Giáo dục mầm non, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

5. Tập trung xây dựng Chương trình Giáo dục mầm non mới. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Chương trình Giáo dục thường xuyên mới theo lộ trình. Tổ chức thẩm định và phê duyệt danh mục sách giáo khoa và phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương bảo đảm tiến độ, chất lượng. Hướng dẫn các địa phương chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 phù hợp với điều kiện thực tế trên cơ sở bảo đảm mục tiêu, nội dung đáp ứng yêu cầu cần đạt. Các địa phương và các cơ sở giáo dục đã phát huy tính chủ động, linh hoạt trong việc triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Đội ngũ giáo viên đã cơ bản thực hiện hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; việc tổ chức quản lý đã chuyển dần theo hướng quản trị nhà trường.

6. Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn tiếp tục được nâng lên. Quy mô và mạng lưới các cơ sở giáo dục thường xuyên tại các địa phương về cơ bản được duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời của người dân. Bộ GDĐT đã tổ chức thành công Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia học sinh trung học năm học 2022 - 2023. Học sinh Việt Nam tiếp tục đạt nhiều thành tích cao trong các Hội thi khoa học kỹ thuật quốc tế tại Hoa Kỳ; các Kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế. Theo Bảng xếp hạng các quốc gia tốt nhất về giáo dục năm 2021 (công bố năm 2022), Việt Nam xếp thứ 59 thế giới (tăng 5 bậc so với năm trước).

KẾT QUẢ NỔI BẬT NĂM HỌC 2022-2023

7. Tự chủ giáo dục đại học từng bước đi vào thực chất, gắn với thực hiện trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch thông tin theo quy định; hệ thống quản trị nhà trường được ưu tiên kiện toàn, hoàn thiện; hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tiếp tục được đẩy mạnh. Số lượng các cơ sở giáo dục đại học, chương trình đào tạo được quốc tế công nhận và số lượng bài báo quốc tế của các nhà khoa học trong nước ngày càng tăng, từng bước khẳng định vị thế giáo dục đại học của Việt Nam trên bản đồ giáo dục quốc tế. Công tác kiểm định và các điều kiện bảo đảm chất lượng ngày càng được các cơ sở giáo dục đại học quan tâm, số lượng cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo được công nhận kiểm định tăng mạnh.

8. Bộ GDĐT tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030” gắn với lộ trình thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; tham mưu Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022 - 2030”; tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị “Về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường” và ban hành Kế hoạch triển khai trong toàn ngành. Nhiều địa phương tổ chức xây dựng các mô hình giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống, kỹ năng sống, xây dựng văn hóa học đường phù hợp với thực tiễn, được học sinh hào hứng tham gia.

9. Để từng bước khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên, Bộ GDĐT đã hướng dẫn các địa phương tuyển dụng được 17.208 giáo viên; phối hợp với các cơ quan, bộ, ngành có liên quan hoàn thiện báo cáo đề Chính phủ trình xin ý kiến Quốc hội về việc cho phép các địa phương thiếu giáo viên, còn biên chế được tuyển dụng giáo viên mầm non, tiểu học theo chuẩn trình độ đào tạo quy định tại Luật Giáo dục 2005. Đặc biệt, Bộ GDĐT đã trình và đã được Chính phủ thống nhất thông qua về sự cần thiết ban hành Luật Nhà giáo nhằm tạo hành lang pháp lý để đội ngũ giáo viên yên tâm công tác, đồng thời tạo sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật nhằm phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

KẾT QUẢ NỔI BẬT NĂM HỌC 2022-2023

10. Toàn ngành đã tổ chức thành công chuỗi các hoạt động kỷ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam, nhằm tôn vinh, tri ân những nỗ lực, đóng góp của đội ngũ nhà giáo trong sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo; tạo niềm hứng khởi, khơi dậy tinh thần “hết lòng vì học sinh thân yêu”, thúc đẩy đội ngũ nhà giáo và toàn ngành Giáo dục hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trước thềm năm học mới 2023 - 2024, ngày 15 tháng 8 vừa qua, Bộ GDĐT đã tổ chức rất thành công chương trình “Bộ trưởng gặp gỡ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục năm 2023”. Chương trình là dịp để Bộ trưởng lắng nghe được nhiều nhất những suy nghĩ, những ý kiến tâm huyết, trách nhiệm; bày tỏ được một cách trực tiếp nhất sự chia sẻ, động viên, yêu cầu đối với đội ngũ nhà giáo, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp trong cả nước, qua đó toàn ngành đồng lòng, quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ “trồng người” cao cả mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó. Đây là lần đầu tiên Bộ trưởng Bộ GDĐT gặp gỡ đông đủ đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục trong cả nước. Chương trình được tổ chức trực tiếp tại điểm cầu Bộ GDĐT kết nối trực tuyến với 63 điểm cầu các tỉnh, thành phố và khoảng 40 nghìn điểm cầu tại địa phương, cơ sở giáo dục trên khắp mọi miền đất nước, với sự tham dự của gần 1 triệu giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục.

11. Toàn ngành tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và trong hoạt động dạy và học. Bộ GDĐT đã ban hành tiêu chí, quy trình xây dựng học liệu điện tử các cấp học làm cơ sở xây dựng hệ thống bài giảng trực tuyến dùng chung; đẩy mạnh việc số hóa, xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục với các Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và bảo hiểm. Đến nay, hàng triệu học sinh đã được xác thực lịch sử thường trú trực tuyến và ngành giáo dục cơ bản hoàn thành các kỳ thi và tuyển sinh đầu cấp, thực hiện nghiêm Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Xếp hạng chỉ số cải cách hành chính của Bộ GDĐT năm 2022 tăng 02 bậc so với năm 2021.

TỒN TẠI HẠN CHẾ

1. Vẫn còn tình trạng thiếu giáo viên, đặc biệt là giáo viên mầm non và giáo viên tiểu học; thiếu giáo viên môn Tiếng Anh, Tin học đối với tiểu học; môn Âm nhạc, Mỹ thuật đối với THPT. Một số địa phương còn bị động về nguồn tuyển dụng; chưa có chính sách đột phá thu hút giáo viên đến công tác ở những địa bàn khó khăn hơn.
2. Việc quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở một số địa phương còn bất cập; vẫn còn tình trạng thiếu trường, thiếu lớp và áp lực tuyển sinh đầu cấp, nhất là tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đã được tăng cường đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu theo quy định, tại một số địa phương vẫn còn phòng học nhờ, phòng học tạm; thiếu các phòng chức năng, thiết bị dạy học tối thiểu làm ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học.
3. Công tác bảo đảm an toàn cho trẻ em mầm non ở các cơ sở giáo dục mầm non độc lập, tư thục, nhất là tại các vùng đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất còn hạn chế. Chất lượng giáo dục thường xuyên vẫn còn hạn chế; tỷ lệ huy động người học xóa mù chữ ở vùng biên giới, vùng đông đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn còn thấp, kết quả xóa mù chữ chưa bền vững.
4. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho trẻ em, học sinh; công tác hỗ trợ, tư vấn tâm lý, kỹ năng phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em, học sinh có nơi chưa thực sự hiệu quả. Tình trạng bạo lực học đường, mất an toàn vệ sinh thực phẩm trong trường học vẫn còn xảy ra ở một số cơ sở giáo dục. gây bức xúc trong dư luận.
5. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của một số địa phương, cơ sở giáo dục có lúc chưa thực sự nghiêm túc; chất lượng thông tin, báo cáo chưa đảm bảo chất lượng (đặc biệt là việc cập nhật thông tin, số liệu trên cơ sở dữ liệu ngành), gây ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, điều hành.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2023-2024

Ngày 23/8/2023, Bộ trưởng Bộ GDĐT ký Quyết định số 2457/QĐ-BGDĐT ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2023-2024 của ngành Giáo dục. Với chủ đề **“Đoàn kết, kỷ cương, sáng tạo, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo”**, năm học 2023-2024, ngành Giáo dục tập trung vào **12 nhiệm vụ** và giải pháp trọng tâm như sau:

1. Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục

Tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục, đào tạo và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện. Rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trong đó lưu ý các vấn đề thực tiễn phát sinh cần điều chỉnh để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tạo cơ chế, chính sách thuận lợi cho phát triển giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục, quản trị nhà trường theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh tự chủ, bảo đảm vai trò kiến tạo để phát triển giáo dục, trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2023-2024

2. Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

- Tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục mầm non; nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề “**Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 - 2025**”; bảo đảm an toàn cho trẻ mầm non trong các cơ sở giáo dục mầm non; tăng cường quản lý, hỗ trợ nâng cao chất lượng nhóm, lớp độc lập tự thực. Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, **khuyến khích các địa phương có điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.**

- Triển khai hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 **đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cấp tiểu học; lớp 6, lớp 7, lớp 8 cấp trung học cơ sở; lớp 10 và lớp 11 cấp trung học phổ thông.** Tiếp tục thực hiện nội dung dạy học lớp 5, lớp 9, lớp 12 Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 theo hướng tinh giản, phù hợp và tiếp cận Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân tộc thiểu số, người sống ở miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các đối tượng chính sách khác. Xây dựng và tổ chức thực hiện **Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.** Phát triển các phương thức giáo dục hòa nhập, chuyên biệt và bán chuyên biệt; chuẩn bị các điều kiện tối thiểu để đáp ứng quyền được học tập của người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Tăng cường hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông. **Tổ chức tốt Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024; ban hành Phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018;** trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án và chuẩn bị tốt các điều kiện để triển khai thực hiện phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025. Phân tích, đánh giá và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông để phục vụ công tác quản lý chuyên môn và ban hành chính sách dạy và học ở cấp trung học phổ thông ở các địa phương, cơ sở giáo dục.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2023-2024

3. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp

- Tiếp tục rà soát số lượng chỉ tiêu biên chế và số lượng giáo viên hiện có của các địa phương để phối hợp với Bộ Nội vụ báo cáo Trung ương bổ sung biên chế ngành giáo dục năm học 2023 - 2024 trong tổng số biên chế giáo viên được bổ sung đến năm 2026 **theo Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị** giai đoạn 2022 - 2026. Các địa phương tuyển dụng hết số biên chế giáo viên đã được giao, ưu tiên tuyển dụng giáo viên mầm non, tiểu học còn thiếu; sắp xếp, điều tiết giáo viên giữa các cơ sở giáo dục tại địa phương bảo đảm hợp lý, khắc phục tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ; bố trí đủ giáo viên dạy học các môn Ngoại ngữ và Tin học để triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; nghiên cứu xây dựng chính sách thu hút, tạo nguồn tuyển dụng giáo viên và hỗ trợ, tạo điều kiện để giáo viên yên tâm công tác.

- Tiếp tục triển khai lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chú trọng triển khai bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy đáp ứng yêu cầu chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp học mầm non, phổ thông và thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Thực hiện đào tạo giáo viên gắn với nhu cầu để bảo đảm đủ về cơ cấu, số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Triển khai có hiệu quả Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2023-2024

4. Bố trí, phân bổ ngân sách nhà nước và huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục

Có giải pháp hiệu quả để huy động các nguồn lực hợp pháp để đầu tư cho giáo dục và đào tạo. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và bảo đảm thiết bị dạy học tối thiểu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Tham mưu các cấp, các ngành bổ sung ngân sách chi thường xuyên cho các cơ sở giáo dục để đảm bảo chi cho hoạt động giảng dạy và học tập đạt tỷ lệ tối thiểu 19% trong tổng chi thường xuyên (chưa kể chi từ nguồn thu học phí) theo quy định tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp tục ưu tiên nguồn lực của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương giai đoạn 2021 - 2025 để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục. Ưu tiên đầu tư củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và các trường phổ thông có học sinh bán trú, trường dự bị đại học.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2023-2024

5. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng an ninh

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên, nhân viên để tạo sự đoàn kết, thống nhất trong toàn ngành; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thực sự gương mẫu, là tấm gương sáng về mọi mặt cho học sinh, sinh viên noi theo.

Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm cho học sinh, sinh viên; tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các cơ sở giáo dục và đào tạo; xây dựng văn hóa học đường, chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục, nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết. Tăng cường phòng, chống bạo lực học đường; hướng dẫn kỹ năng hỗ trợ, xử lý tình huống cho giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và kỹ năng biết tự ứng phó, xử lý tình huống cho học sinh khi gặp các tình huống có liên quan đến bạo lực học đường.

Nâng cao công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác giáo dục quốc phòng và an ninh theo đường lối, chủ trương của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới và Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2013 và các văn bản có liên quan. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên, viên chức, người lao động theo từng đối tượng trong các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục có hiệu quả. Phát huy vai trò của giáo dục quốc phòng, an ninh trong giáo dục ý thức, trách nhiệm công dân, giáo dục tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào, tự tôn dân tộc.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2023-2024

6. Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, y tế trường học; bảo đảm an toàn trường học, chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh

Triển khai hiệu quả công tác giáo dục thể chất và y tế trường học, bảo đảm an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh và tai nạn thương tích. Tăng cường tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm, kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh; kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống y tế trường học. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về sức khỏe học đường và tiêu chí xây dựng trường học an toàn, thân thiện, hạnh phúc.

Tổ chức, triển khai hiệu quả Chương trình “Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025”, Chương trình “Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021-2025”; Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất, thể thao trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025; tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thể thao học sinh, sinh viên gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức tốt Đại hội thể thao học sinh Đông Nam Á lần thứ 13 và Hội khỏe phù đồng các cấp lần thứ 10 năm 2024.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2023-2024

7. Quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, đẩy mạnh thực hiện tự chủ đại học, nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực gắn với nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Đẩy mạnh triển khai tự chủ đại học theo hướng đi vào chiều sâu, gắn với thực hiện trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch thông tin theo quy định; ổn định phương thức tuyển sinh; tổ chức thực hiện chuẩn chương trình đào tạo và các giải pháp bảo đảm chất lượng; tăng cường phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh nghiên cứu về khoa học giáo dục. Hoàn thiện và tổ chức triển khai có hiệu quả các đề án, dự án liên quan tới phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Có chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài hợp tác nghiên cứu, đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam; đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Việt Nam. Khuyến khích mở rộng và đẩy mạnh các quan hệ hợp tác về đào tạo, nghiên cứu với các trường, viện nghiên cứu quốc tế chất lượng cao để hình thành nhóm nghiên cứu mạnh; thu hút các nguồn tài trợ quốc tế, chủ động tham gia mạng lưới nghiên cứu và trao đổi toàn cầu.

Các cơ sở giáo dục đại học tổ chức thực hiện tốt Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học và công bố trên các tạp chí khoa học uy tín quốc tế và trong nước, tăng cường ứng dụng, chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn, nâng cao chất lượng đào tạo gắn với kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển khoa học giáo dục. Hình thành, phát triển các loại hình nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh. Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp trong nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học. Ban hành bộ quy tắc về liêm chính học thuật trong các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm nguyên tắc trung thực, trách nhiệm, công bằng, minh bạch, phù hợp với thực tiễn và theo thông lệ quốc tế.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2023-2024

8. Hội nhập quốc tế trong giáo dục

Tăng cường hội nhập quốc tế, chủ động mở rộng hợp tác song phương, đa phương; thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nước ngoài cho giáo dục và đào tạo. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đại học hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài về đào tạo, nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh việc thu hút sinh viên, nhà khoa học có uy tín ở nước ngoài đến học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Việt Nam.

Tăng cường công tác quản lý hoạt động của các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài và tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học. Triển khai hiệu quả các đề án, chương trình học bổng đào tạo nguồn nhân lực ở nước ngoài có sử dụng ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh công tác quản lý công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.

Khuyến khích kiểm định chất lượng giáo dục của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quốc tế được công nhận hoạt động ở Việt Nam; khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam tham gia xếp hạng đại học của các tổ chức xếp hạng uy tín thế giới. Tích cực tham gia các chương trình đánh giá chất lượng giáo dục quốc tế đối với giáo dục, đào tạo (PISA, PASEC...).

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2023-2024

9. Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong toàn ngành

Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học và kiểm tra đánh giá. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện các cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối liên thông dữ liệu trong ngành giáo dục và kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và Bộ phận một cửa, một cửa liên thông. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025”. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, giải pháp trí tuệ nhân tạo phù hợp trong giáo dục đào tạo.

Tăng cường các điều kiện đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục; tiếp tục xây dựng hạ tầng học tập quốc gia, kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; triển khai nền tảng cung cấp các khóa học trực tuyến dùng chung.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2023-2024

10. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo nhằm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi sai phạm trong giáo dục và đào tạo. Tập trung thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của Ủy ban nhân dân các cấp; kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 và việc triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018; việc tự chủ giáo dục đại học, mở ngành, hoạt động tuyển sinh và đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và trách nhiệm giải trình xã hội của các cơ sở giáo dục đại học. Kiểm tra các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài, trung tâm ngoại ngữ, tin học; kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm; kiểm tra, đánh giá hiệu quả đầu tư, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tại các cơ sở giáo dục.

11. Tiếp tục thực hiện các phong trào thi đua trong toàn ngành

Tiếp tục triển khai thiết thực, hiệu quả các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo; phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Tổ chức triển khai phong trào thi đua “Cả nước xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023 - 2030”. Thực hiện tốt các chính sách về thi đua, khen thưởng nhằm thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước, coi thi đua là động lực để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đẩy mạnh phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng, tôn vinh các mô hình hay, những điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong toàn ngành.

12. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, chính sách mới của ngành và việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; tăng cường phối hợp, xử lý hiệu quả các vấn đề về truyền thông, nhất là các vấn đề xã hội quan tâm, bức xúc để xã hội, nhân dân hiểu, chia sẻ, ủng hộ và



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

PHẦN II
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018
(Theo Nghị quyết 29, Nghị quyết 88)

GIÁO DỤC VIỆT NAM QUA CÁC LẦN ĐỔI MỚI

THỰC HIỆN
ĐỔI MỚI
GIÁO DỤC

1. ĐỔI MỚI 1950

2. ĐỔI MỚI 1956

3. ĐỔI MỚI 1979

4. ĐỔI MỚI 2000

5. ĐỔI MỚI 2018

SO SÁNH HAI LẦN ĐỔI MỚI GẦN NHẤT

4. ĐỔI MỚI 2000

SO SÁNH
HAI LẦN
ĐỔI MỚI
GIÁO DỤC
GẦN ĐÂY

5. ĐỔI MỚI 2018

**QUAN ĐIỂM
XÂY DỰNG
CHƯƠNG
TRÌNH GDPT
2018**

- 1. Căn cứ xây dựng CT:** Nghị quyết số 29-NQ/TW, Nghị quyết số 88/2014/QH13, Quyết định số 404/QĐ-TTg, Nghị quyết số 51/2017/QH14.
- 2. Quan điểm chung:**
 - Xây dựng theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
 - Phù hợp với thực tế của địa phương và kế thừa trên thực trạng hiện có.
 - Một chương trình, có thể có nhiều bộ sách giáo khoa cho mỗi môn học.
 - Lộ trình thực hiện: năm học 2020 – 2021 ở lớp 1 năm học 2024 – 2025 ở lớp 5.



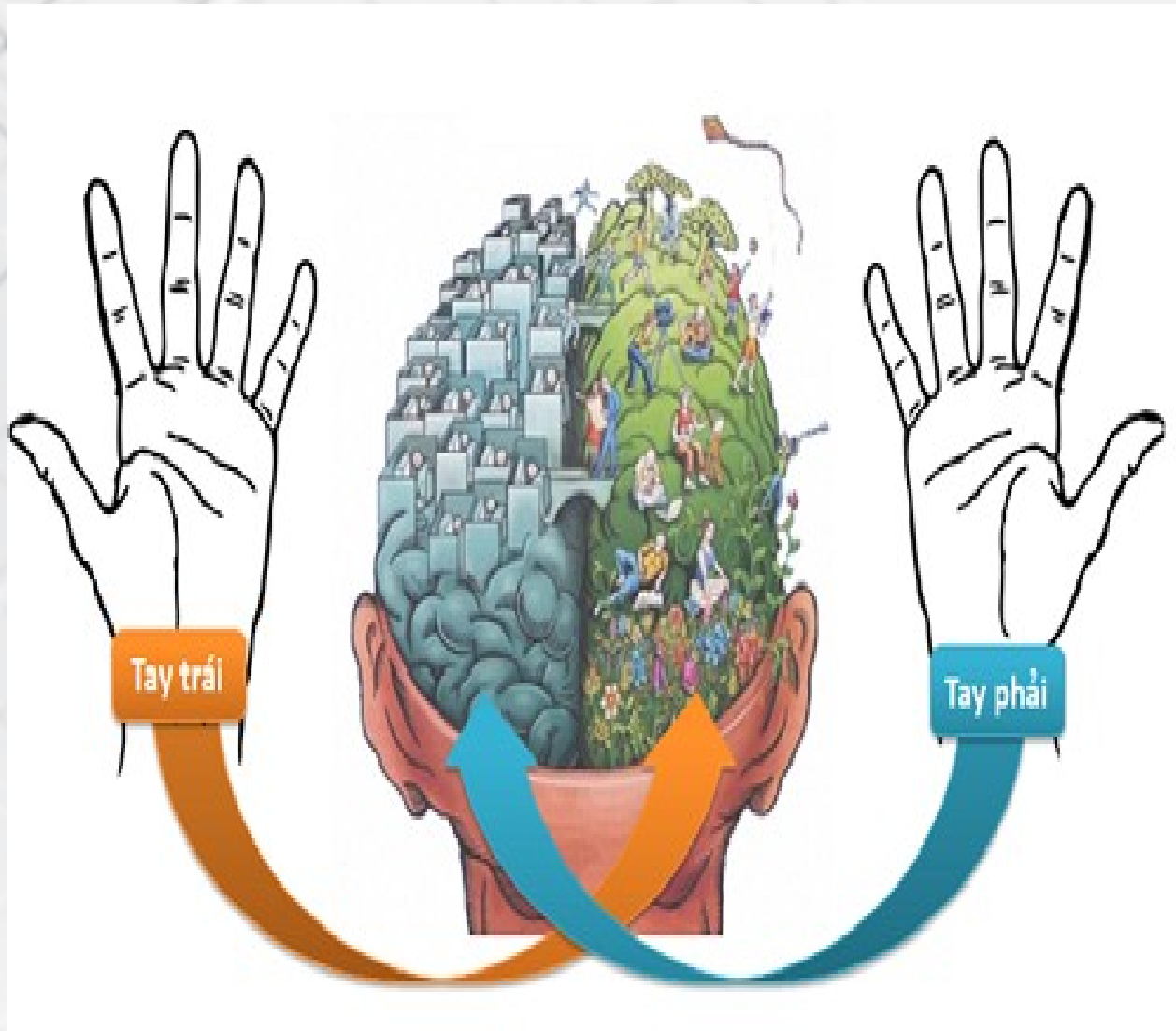
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018
XÂY DỰNG TIẾP CẬN PHẨM CHẤT NĂNG LỰC
HỌC SINH – TẠI SAO?

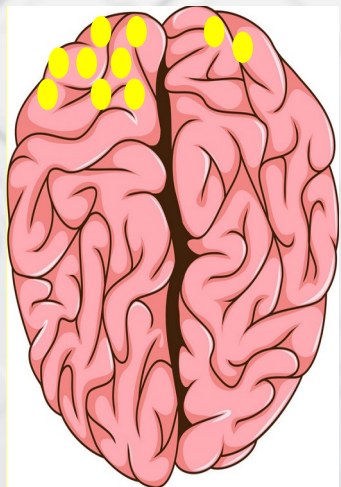


THUYẾT TOÀN NÃO

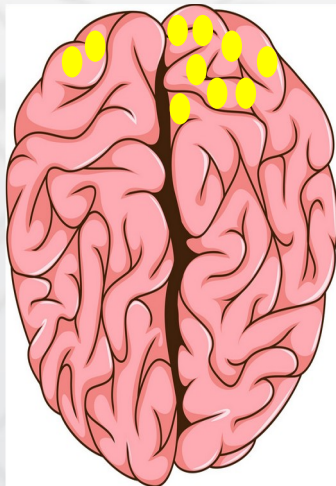
NÃO CÓ 2 BÁN CẦU VÀ ĐIỀU KHIỂN CHÉO



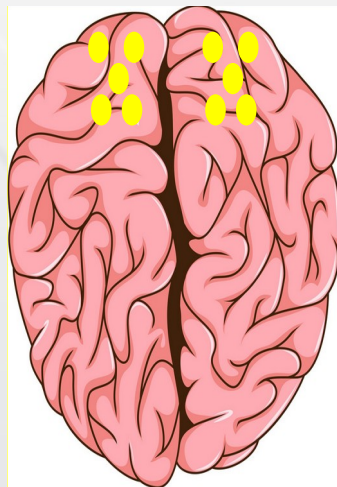
SỰ PHÂN BỐ TẾ BÀO THẦN KINH KHÁC NHAU GIỮA MỌI NGƯỜI



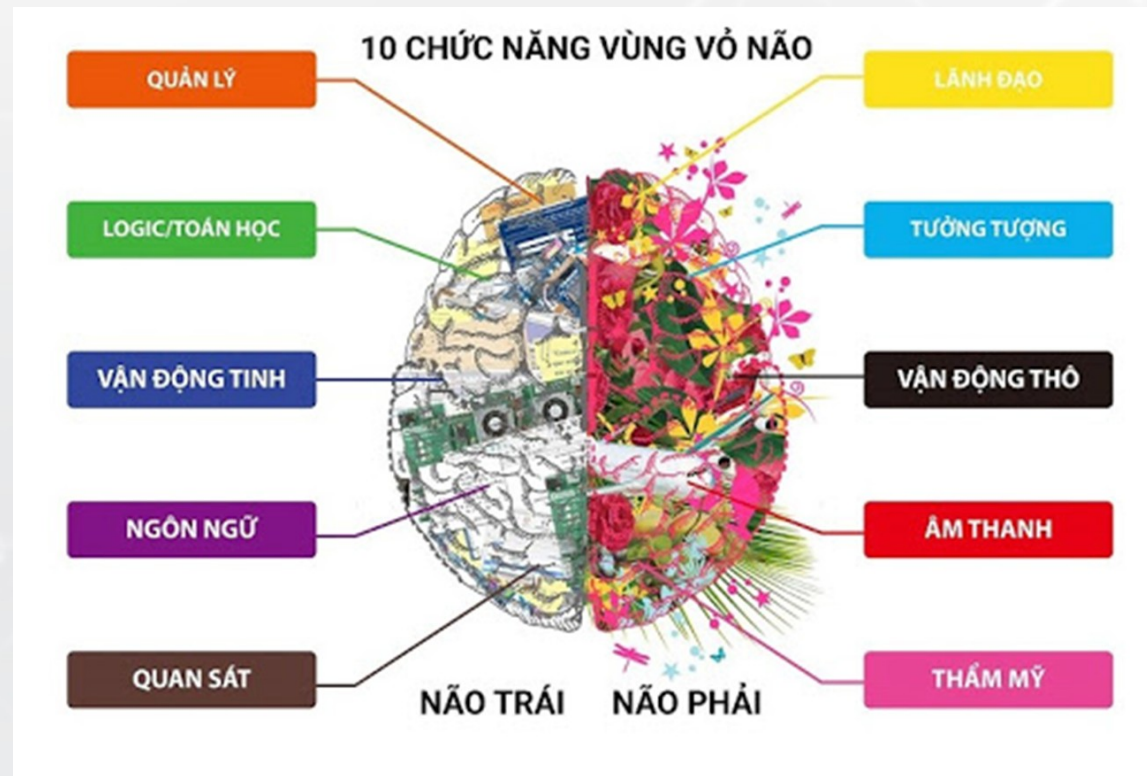
1



2



3

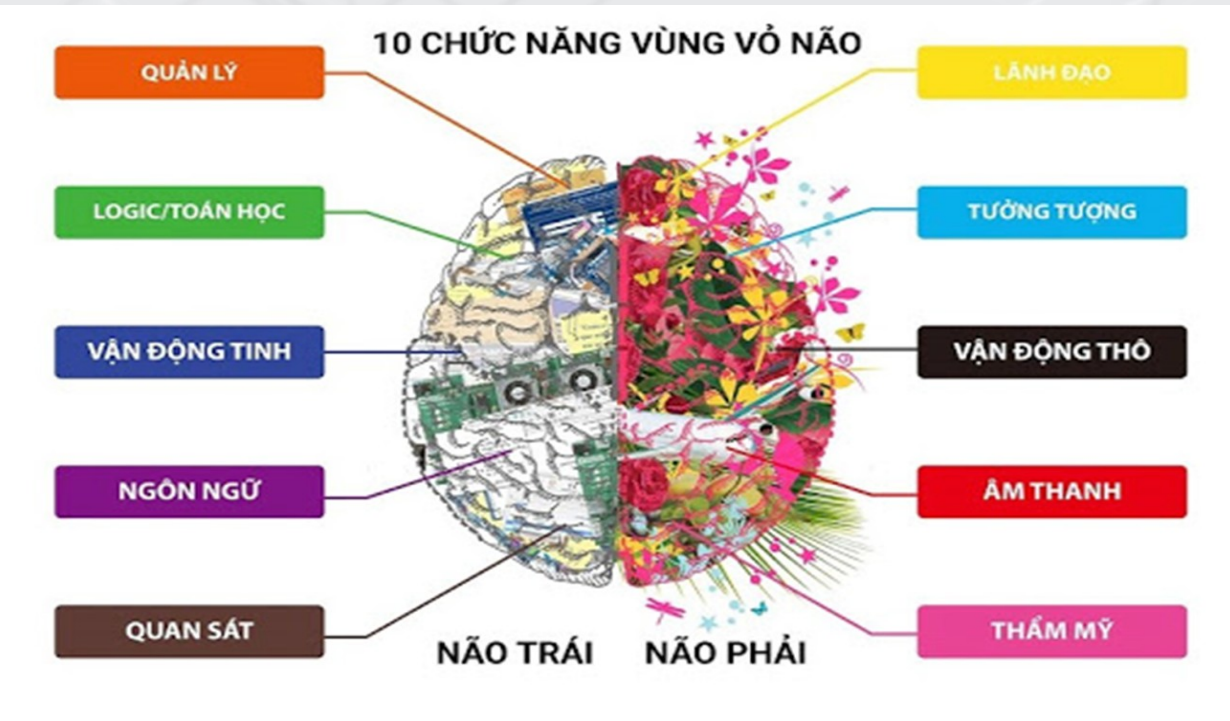


86 TỶ NEURON

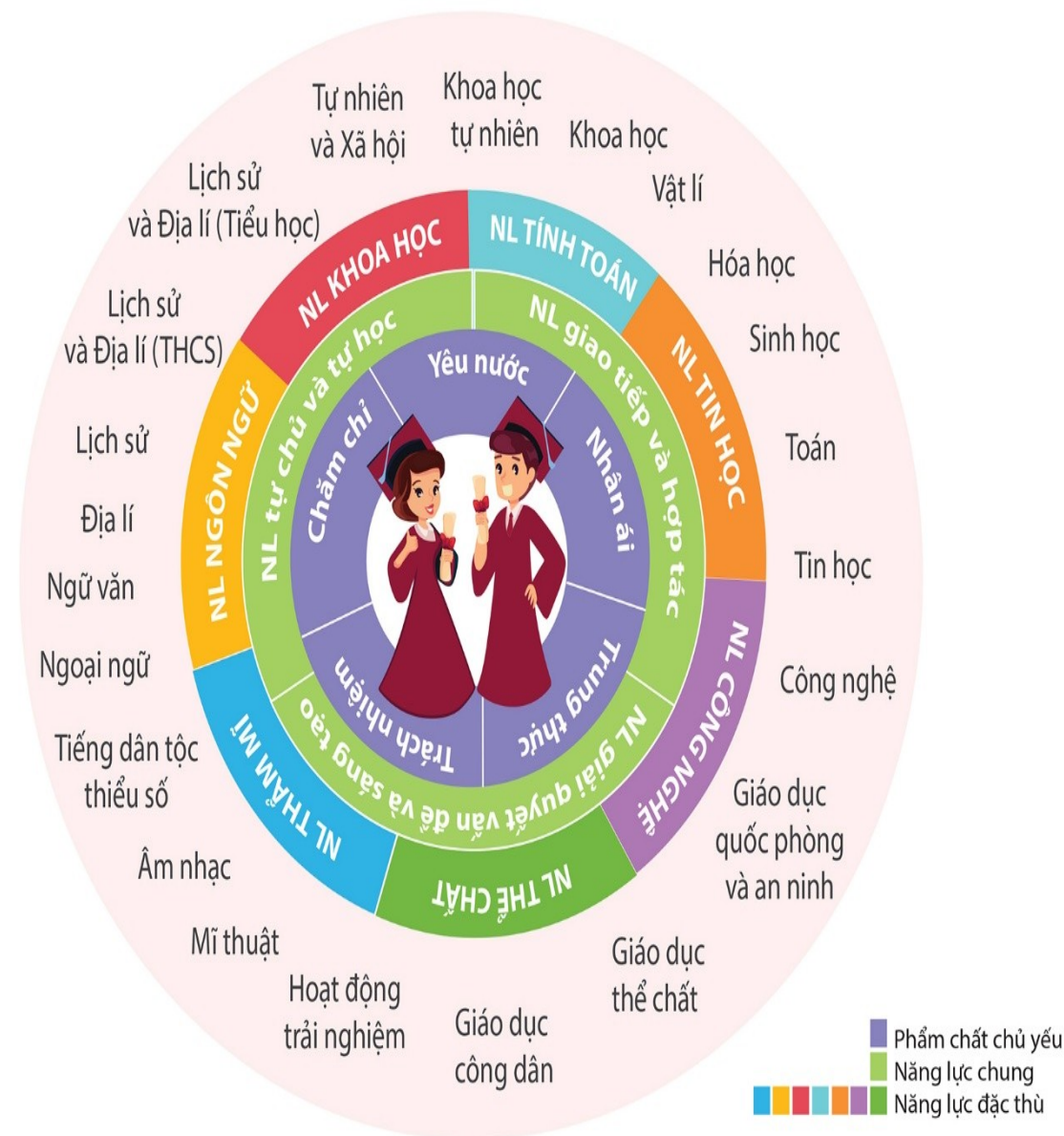
= 73.855 máy tính

được kết nối với nhau
hoạt động cùng một lúc.

MỖI NGƯỜI CÓ 1 TÀI NĂNG Ở LĨNH VỰC KHÁC
NHAU → TÔN TRỌNG SỰ SÁNG TẠO KHÁC
BIỆT



Phẩm chất, năng lực và các môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình Giáo dục phổ thông mới

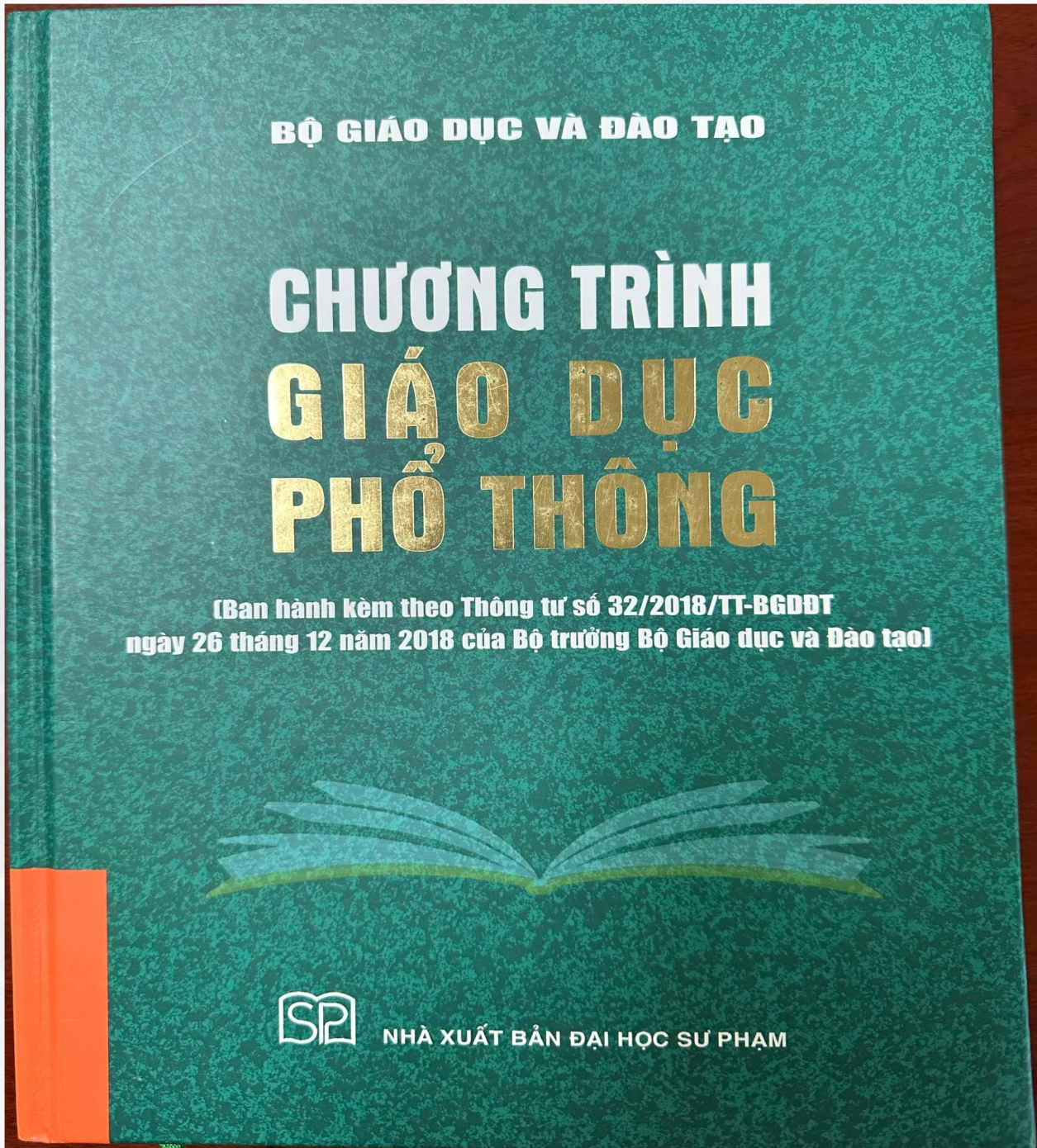
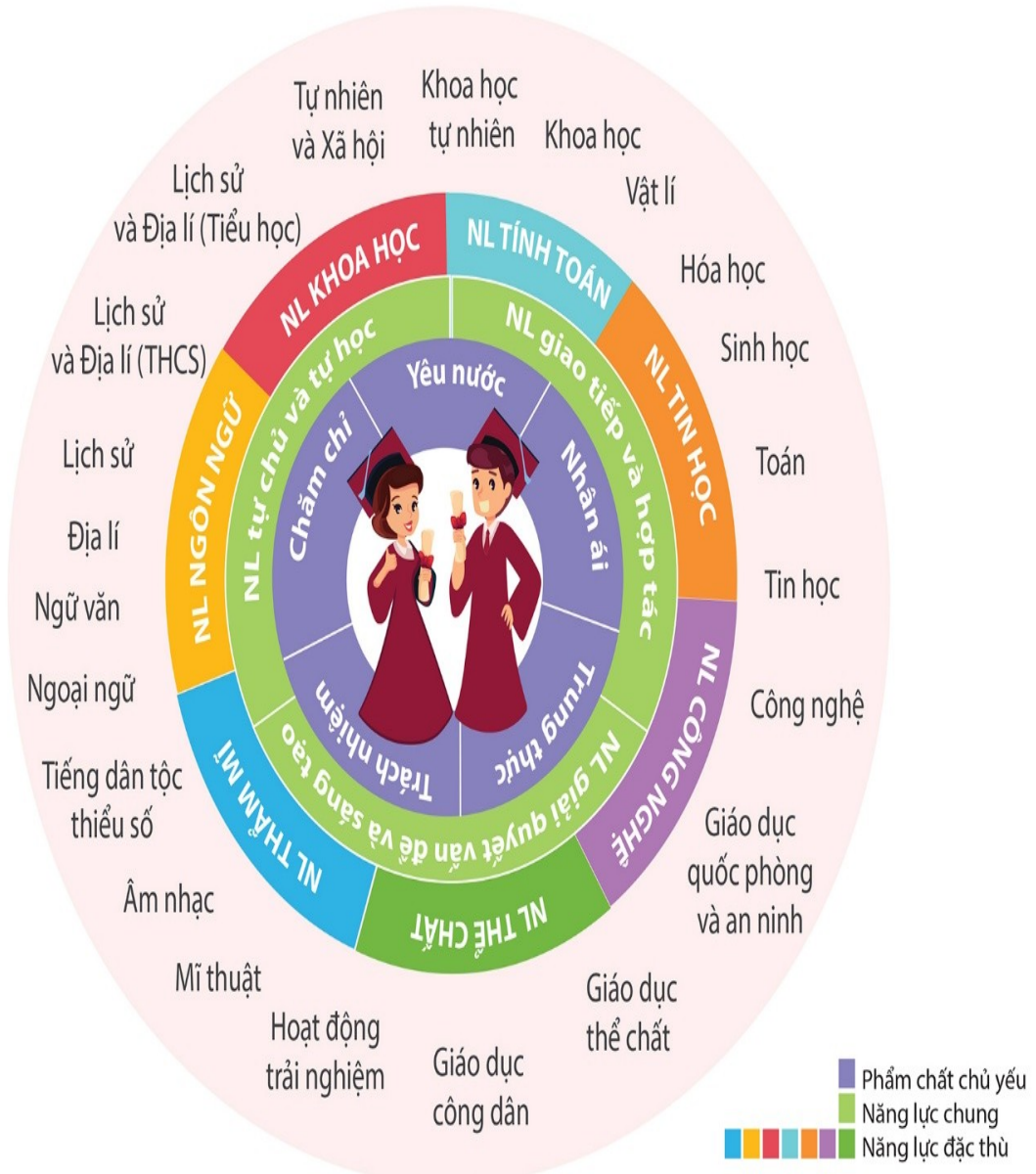




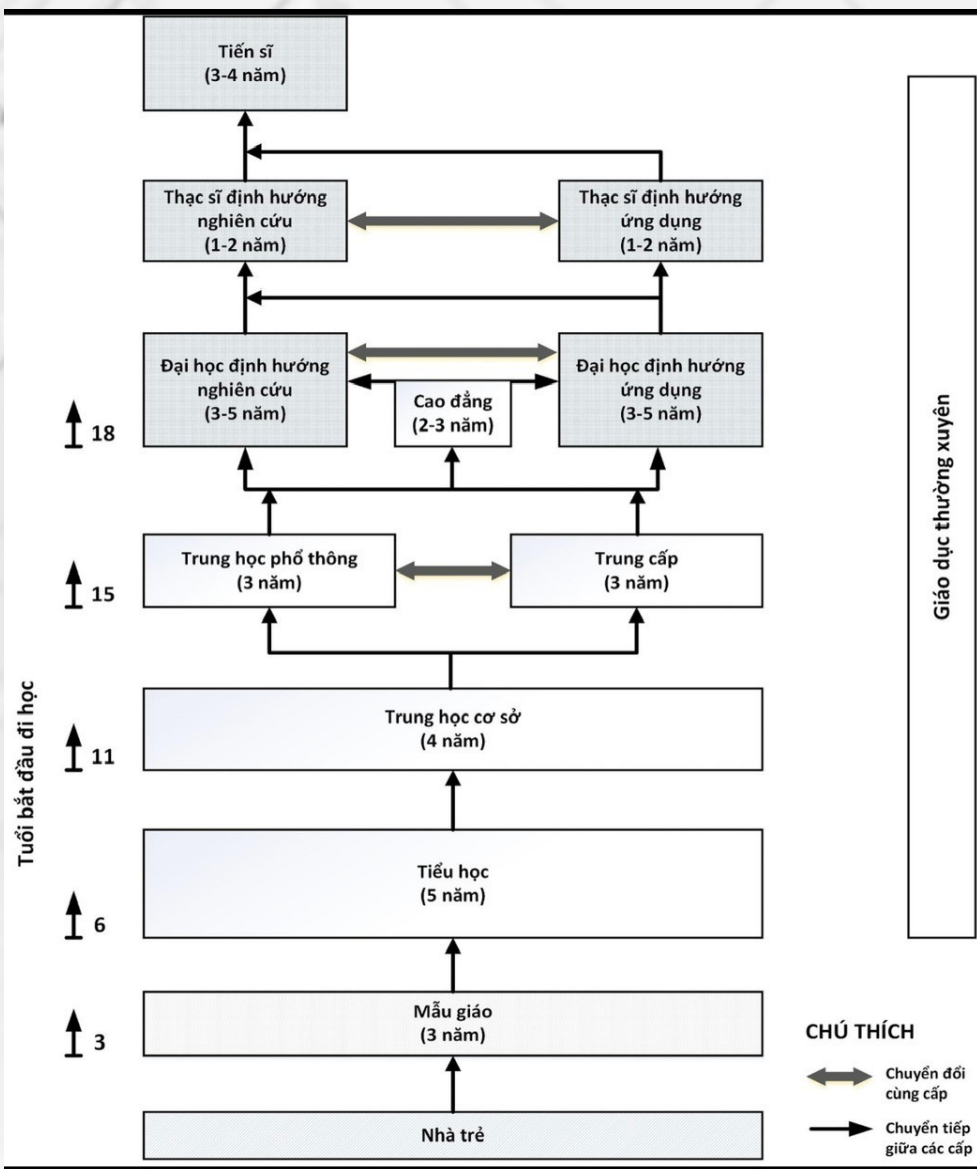
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018
XÂY DỰNG THỐNG NHẤT KHUNG, MANG TÍNH MỞ
PHÂN CẤP TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN
NHƯ THẾ NÀO?

Phẩm chất, năng lực và các môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình Giáo dục phổ thông mới



GIÁO DỤC PHỔ THÔNG THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI



CÁC MÔN HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI

Tiểu học

Môn bắt buộc

- Tiếng Việt
- Toán
- Ngoại ngữ 1
- Đạo đức
- Tự nhiên và xã hội
- Lịch sử và Địa lý
- Khoa học
- Tin học và Công nghệ
- Giáo dục thể chất
- Nghệ thuật

Môn tự chọn

- Tiếng dân tộc thiểu số
- Ngoại ngữ 1 (đối với lớp 1 và 2)

THCS

Môn bắt buộc

- Ngữ văn
- Toán
- Ngoại ngữ 1
- Giáo dục công dân
- Khoa học tự nhiên
- Lịch sử và Địa lý
- Tin học
- Công nghệ
- Giáo dục thể chất
- Nghệ thuật

Môn tự chọn

- Tiếng dân tộc thiểu số
- Ngoại ngữ 2

THPT

Môn bắt buộc

- Ngữ văn
- Toán
- Ngoại ngữ 1
- Giáo dục thể chất
- Giáo dục quốc phòng và an ninh
- Lịch sử.

Môn tự chọn

- Tiếng dân tộc thiểu số
- Ngoại ngữ 2

Môn học được lựa chọn

Nhóm Khoa học Xã hội

- Giáo dục kinh tế và pháp luật
- Địa lý

Nhóm Khoa học Tự nhiên

- Vật lý
- Hóa học
- Sinh học

Nhóm Công nghệ và Nghệ thuật

- Công nghệ
- Tin học
- Nghệ thuật

Học sinh chọn 4 môn học từ 3 nhóm môn học trên, mỗi nhóm chọn ít nhất 1 môn.

Đặc biệt, hoạt động giáo dục bắt buộc xuyên suốt tất cả các cấp học là Hoạt động trải nghiệm.

Kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Nội dung giáo dục					
	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I. Môn học bắt buộc					
1. Tiếng Việt	420	350	245	245	245
2. Toán	105	175	175	175	175
3. Đạo đức	35	35	35	35	35
4. Tự nhiên và xã hội	70	70	70		
5. Âm nhạc	35	35	35	35	35
6. Mỹ thuật	35	35	35	35	35
7. Giáo dục thể chất	70	70	70	70	70
8. Công nghệ			35	35	35
9. Tin học			35	35	35
10. Ngoại ngữ 1 (Anh, Pháp, Nhật, Hàn, Trung, Nga, Đức)			140	140	140
11. Khoa học				70	70
12. Lịch sử và Địa lý				70	70
II. Hoạt động giáo dục bắt buộc					
1. Hoạt động trải nghiệm (Tích hợp thêm giáo dục địa phương và các nội dung khác)	105	105	105	105	105
III. Môn học tự chọn					
1. Tiếng dân tộc thiểu số	70	70	70	70	70
2. Ngoại ngữ 1 (Anh, Pháp, Nhật, Hàn, Trung, Nga, Đức)	70	70			
Tổng số tiết trong một năm	875	875	980	1050	1050
Số tiết trung bình trên tuần	25	25	28	30	30

Kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày.

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI

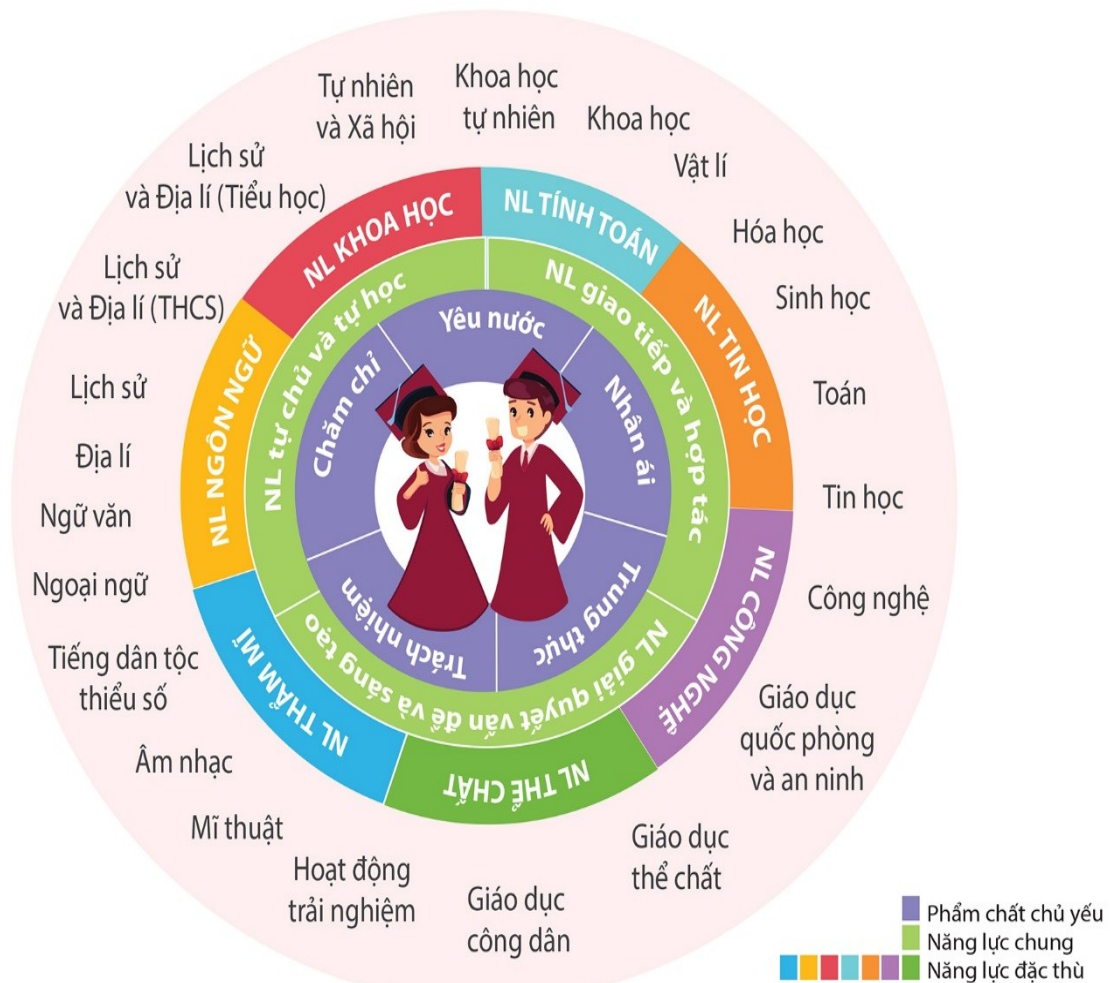
(Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT)



Kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018						Kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông 2006					
Nội dung giáo dục						Nội dung giáo dục					
	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I. Môn học bắt buộc						I. Môn học bắt buộc					
1. Tiếng Việt	420	350	245	245	245	1. Tiếng Việt	350	315	280	280	280
2. Toán	105	175	175	175	175	2. Toán	140	175	175	175	175
3. Đạo đức	35	35	35	35	35	3. Đạo đức	35	35	35	35	35
4. Tự nhiên và xã hội	70	70	70			4. Tự nhiên xã hội	35	35	70		
5. Âm nhạc	35	35	35	35	35	5. Âm nhạc	35	35	35	35	35
6. Mỹ thuật	35	35	35	35	35	6. Mỹ thuật	35	35	35	35	35
7. Giáo dục thể chất	70	70	70	70	70	7. Thể dục	35	70	70	70	70
8. Công nghệ			35	35	35	8. Thủ công	35	35	35		
9. Tin học			35	35	35	9. Kỹ thuật				35	35
10. Ngoại ngữ 1 (Anh, Pháp, Nhật, Hàn, Trung, Nga, Đức)			140	140	140						
11. Khoa học				70	70	10. Khoa học				70	70
12. Lịch sử và Địa lý				70	70	11. Lịch sử và Địa lí				70	70
II. Hoạt động giáo dục bắt buộc						II. Hoạt động giáo dục bắt buộc					
1. Hoạt động trải nghiệm (Tích hợp thêm giáo dục địa phương và các nội dung khác)	105	105	105	105	105	1. Giáo dục tập thể (SHL-CCĐT)	70	70	70	70	70
						2. Giáo dục ngoài giờ lên lớp.	35	35	35	35	35
III. Môn học tự chọn						III. Môn học tự chọn					
1. Tiếng dân tộc thiểu số	70	70	70	70	70	1. Tin học	Đây là những môn học được bổ sung sau và được tổ chức thực hiện không đồng đều và chất lượng thấp				
2. Ngoại ngữ 1 (Anh, Pháp, Nhật, Hàn, Trung, Nga, Đức)	70	70				2. Tiếng Anh (các tiếng khác thực hiện thí điểm, theo đề án)					
						3. Tiếng dân tộc					
Tổng số tiết trong một năm	875	875	980	1050	1050	Tổng số tiết trong một năm	805	840	840	910	910
Số tiết trung bình trên tuần	25	25	28	30	30	Số tiết trung bình trên tuần	23	24	24	26	26
Kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày.						Kế hoạch dạy học 1 buổi/ngày.					

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO KHOA ĐƯỢC BIÊN SOẠN THEO HƯỚNG TRAO QUYỀN CHO GIÁO VIÊN LÀ MỘT PHƯƠNG ÁN ĐỂ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH LÀ TÀI LIỆU QUAN TRỌNG - KHÔNG PHẢI LÀ DUY NHẤT

Phẩm chất, năng lực và các môn học, hoạt động giáo dục
trong Chương trình Giáo dục phổ thông mới



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI

(Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT)



XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG



TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Nghị định số 24/2021/NĐ-CP quy định về quản lý trong cơ sở GDMN và cơ sở GDPT công lập(2)

- ▶ **Theo khoản 2, Điều 3:** Kế hoạch giáo dục của nhà trường là kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- ▶ **Theo Khoản 2 Điều 6:** Cơ sở giáo dục được chủ động liên kết với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, các tổ chức, cá nhân và gia đình học sinh để tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện của địa phương theo quy định của pháp luật.
- ▶ **Theo Khoản 3 Điều 7:** Mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục được thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.
- ▶ **Khoản 2 Điều 18:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục; có cơ chế, chính sách khuyến khích, khen thưởng các tổ chức, cá nhân tại địa phương phối hợp với các cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 127/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2018

NGHỊ ĐỊNH

Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định trách nhiệm quản lý nhà nước đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên; trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và các cơ sở giáo dục khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là quản lý nhà nước về giáo dục).

2. Nghị định này không áp dụng đối với quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng với các bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là bộ); Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 10. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Xây dựng và trình Hội đồng nhân dân cấp xã duyệt kế hoạch phát triển giáo dục trên địa bàn; tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục ở địa phương khi được phê duyệt.

2. Đầu tư hoặc tham gia đầu tư xây dựng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, trung tâm học tập cộng đồng theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp huyện; phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng trường chuẩn quốc gia, kế hoạch sử dụng đất dành cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

3. Quản lý trung tâm học tập cộng đồng; phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo quản lý cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở; huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục trên địa bàn xã, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, vận động nhân dân chăm lo cho giáo dục, phối hợp với nhà trường chăm lo giáo dục con em thực hiện nếp sống văn hóa mới, tham gia bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, các công trình văn hóa, các công trình dành cho hoạt động học tập, vui chơi của học sinh.

4. Kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng chăm sóc, giáo dục của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập trên địa bàn. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Cho phép thành lập, quyết định sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động giáo dục, giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập theo quy định.

2. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn tổ chức đăng ký, huy động tối đa người trong độ tuổi đi học để bảo đảm phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, tạo điều kiện cho mọi người được học tập suốt đời.

3. Thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền được giao theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Giáo dục và Đào tạo.

4. Giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về giáo dục tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018**

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC BƯỚC ĐẦU

1. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng công phu, nghiêm túc, dựa trên cơ sở chính trị, khoa học, lý luận và thực tiễn, có tính kế thừa và phát triển; bám sát mục tiêu, yêu cầu và nội dung đổi mới theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế và Nghị quyết số 88/2014/QH13.
2. Chương trình giáo dục phổ thông mới đã thay đổi từ truyền thụ kiến thức sang định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; **xác định rõ 05 phẩm chất và 10 năng lực chủ yếu, cốt lõi** cần phát triển đối với học sinh phổ thông; đổi mới đồng bộ về nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng thành hai giai đoạn: **Giai đoạn giáo dục cơ bản (từ lớp 1 đến lớp 9)** và **giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (từ lớp 10 đến lớp 12)**. Hệ thống môn học được thiết kế theo hướng bảo đảm cân đối các nội dung giáo dục, phù hợp với từng cấp học, lớp học; tổ chức, sắp xếp lại một số môn học theo hướng tích hợp ở các lớp học dưới, phân hóa dần ở các lớp học trên; khắc phục sự chồng lấn giữa các môn; bảo đảm kết nối giữa các lớp học, cấp học, giữa các chương trình môn học. Nội dung các môn học được xây dựng theo hướng giảm tải, tăng cường thực hành, gắn với thực tiễn đời sống.
3. Việc đổi mới phương pháp giáo dục đã được thực hiện ở tất cả các cơ sở giáo dục. Học sinh phát huy tính chủ động, sáng tạo, giáo viên đóng vai trò là người tổ chức, kiểm tra, định hướng. Hình thức tổ chức dạy học đa dạng hóa, từng bước ứng dụng công nghệ tiên tiến.
4. Phương thức thi, kiểm tra đánh giá chất lượng đã được chuyển dần từ kiểm tra kiến thức sang đánh giá năng lực, phẩm chất của người học; đo lường sự tiến bộ của học sinh trong quá trình học tập và mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục, bảo đảm độ tin cậy, công bằng, khách quan.

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC BƯỚC ĐẦU

5. Chủ trương xã hội hóa biên soạn sách giáo khoa và có một số sách giáo khoa cho mỗi môn học đã được được tổ chức thực hiện phát huy hiệu quả, huy động được nhiều tổ chức và đông đảo đội ngũ nhà giáo, nhà khoa học, các chuyên gia có trình độ, uy tín, kinh nghiệm, năng lực tham gia biên soạn sách giáo khoa. Đã có 06 nhà xuất bản tham gia biên soạn, phát hành sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục các khối lớp; 06 tổ chức biên soạn sách giáo khoa. Hệ thống sách giáo khoa phong phú, đa dạng, tạo điều kiện cho học sinh, giáo viên lựa chọn các bộ sách phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm vùng miền, nhận thức của học sinh. Hiện nay có 3 bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo, Cánh diều.

6. Các cơ sở giáo dục căn cứ vào điều kiện thực tế của đơn vị, địa phương để cụ thể hóa nội dung đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng đa dạng hóa các hoạt động học tập, phù hợp với năng lực của học sinh; sử dụng các phương tiện dạy học, khai thác hệ thống học liệu đã có để xây dựng bài giảng điện tử, ứng dụng trên nền tảng công nghệ, khai thác tư liệu trực tuyến vào các hoạt động dạy và học... Giáo viên đã chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh, thiết kế các hoạt động ở trong và ngoài lớp học; áp dụng phương pháp dạy học phù hợp với từng nội dung, đối tượng và điều kiện cụ thể, kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực hành. Học sinh được khuyến khích tự học, tự nghiên cứu tìm tòi, chiếm lĩnh kiến thức, vận dụng kiến thức mới; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng. Vai trò của người giáo viên chuyển từ vị trí là “người dạy” sang vị trí là người “tổ chức, kiểm tra, định hướng” hoạt động học của học sinh.

7. Qua kiểm tra thực tế cho thấy việc đổi mới phương pháp giáo dục đã được thực hiện ở tất cả các cơ sở giáo dục; hình thức tổ chức dạy học được đa dạng hóa, ứng dụng công nghệ tiên tiến. Vai trò chủ động của học sinh được phát huy. Giáo viên tự tin, làm chủ lớp học tốt hơn, năng động, tích cực hơn trong từng giờ dạy, thể hiện rõ vai trò người tổ chức, kiểm tra, định hướng.

HẠN CHẾ CẦN KHẮC PHỤC

1. Công tác tuyên truyền, quán triệt nội dung các văn bản của Đảng, Nhà nước về thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông đến đội ngũ nhà giáo trong giai đoạn đầu còn chậm trễ, thiếu đồng bộ, chưa phù hợp, chưa tạo được sự đồng thuận của một bộ phận đội ngũ nhà giáo, phụ huynh học sinh và xã hội trong việc triển khai thực hiện Chương trình.

2. Công tác tuyên truyền còn mang tính hình thức, chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao, nhất là ở giai đoạn đầu áp dụng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nên một bộ phận cha mẹ học sinh và cộng đồng chưa nhận thức đầy đủ về các nội dung đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; vẫn còn những ý kiến khác nhau về chủ trương đổi mới, thiếu đồng thuận, tạo nên một số tác động trái chiều trong quá trình triển khai. Một số nội dung mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 như các môn tích hợp (môn Khoa học tự nhiên, môn Lịch sử và Địa lý ở trung học cơ sở), các hoạt động giáo dục mới, vấn đề lựa chọn tổ hợp môn học và triển khai các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật ở trung học phổ thông... chưa được tuyên truyền đầy đủ, chưa tạo được sự đồng thuận cao trong giới chuyên môn, các nhà giáo, các nhà khoa học, trong phụ huynh, học sinh.

3. Phương thức triển khai tổ chức quán triệt, tuyên truyền ở những địa bàn, đối tượng khác nhau còn gặp khó khăn; một số hình thức tuyên truyền chưa phù hợp với địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo; chưa chú trọng tuyên truyền trực tiếp đối những nơi có điều kiện khó khăn, trình độ nhận thức của người dân còn hạn chế. Tại khu vực địa bàn dân cư phân tán, không tập trung, giao thông đi lại khó khăn, hệ thống cơ sở vật chất chất phục vụ công tác tuyên truyền còn thiếu hoặc xuống cấp, không đáp ứng yêu cầu. Việc bố trí kinh phí cho công tác quán triệt, thông tin, truyền thông về chương trình giáo dục phổ thông mới chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

PHẦN III
KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN!